

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2008*(Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán ASNAF Việt Nam)***I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VNĐ

	NỘI DUNG	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN:	787,823,531,263	305,507,006,312
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	17,292,165,643	94,360,039,373
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	503,920,800	
3	Các khoản phải thu	438,701,322,564	142,089,473,771
4	Hàng tồn kho	310,514,630,940	63,368,008,736
5	Tài sản ngắn hạn khác	20,811,491,316	5,689,484,432
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	334,689,970,424	110,212,362,240
1	Các khoản phải thu dài hạn		3,707,054,189
2	Tài sản cố định	198,577,173,748	48,927,616,607
	- Tài sản cố định hữu hình	15,247,247,901	26,346,018,625
	- Tài sản cố định thuê Tài chính	4,488,750,500	
	- Tài sản cố định vô hình	981,444,444	988,111,112
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	177,859,730,903	21,593,486,870
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	117,247,980,141	56,976,551,284
5	Lợi thế thương mại	13,680,000,000	
6	Tài sản dài hạn khác	5,184,816,535	601,140,160
	TỔNG TÀI SẢN	1,122,513,501,687	415,719,368,552
III	NỢ PHẢI TRẢ	609,297,285,258	228,156,545,237
1	Nợ ngắn hạn	490,648,957,106	228,066,657,229
2	Nợ dài hạn	118,648,328,152	89,888,008
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	513,216,216,429	187,562,823,315
1	Vốn chủ sở hữu	497,412,426,385	184,108,669,557
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	136,000,000,000	56,500,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	232,479,309,557	65,834,506,776
	- Cổ phiếu quỹ (*)	(6,724,000,000)	
	- Các quỹ	34,078,433,441	14,281,400,934
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	101,578,683,387	47,492,761,847
2	Nguồn kinh phí	15,803,790,044	3,454,153,758
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,803,790,044	3,454,153,758
V	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	-	-
	TỔNG NGUỒN VỐN	1,122,513,501,687	415,719,368,552

II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	444,593,853,451	297,262,339,168
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	444,593,853,451	297,262,339,168
4	Giá vốn hàng bán	318,003,881,001	219,968,386,162
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	126,589,972,450	77,293,953,006
6	Doanh thu hoạt động tài chính	39,268,798,579	671,434,101
7	Chi phí tài chính	16,672,163,637	10,704,477,906
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15,625,751,665	7,813,821,615
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	133,560,855,727	59,447,087,586
11	Thu nhập khác	81,743,180,771	9,226,018,668
12	Chi phí khác	32,186,572,386	221,880,857
13	Lợi nhuận khác	49,556,608,385	9,004,137,811
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Cty LK, LD	3,576,852,151	
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	186,694,316,263	68,451,225,397
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp	51,260,134,369	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	135,434,181,894	68,451,225,397
	Lợi nhuận sau thuế cổ đông thiểu số		
	Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ	135,434,181,894	68,451,225,397
18	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	10,119	12,115

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn / tổng tài sản	29.82%	26.51%
	- Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	70.18%	73.49%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	-Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	54.28%	54.88%
	-Nguồn vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	45.72%	45.12%
3	Khả năng thanh toán		
	-Khả năng thanh toán nhanh	0.97 lần	1.06 lần
	-Khả năng thanh toán hiện hành	1.61 lần	1.34 lần
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản	12.07%	16.47%
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	30.46%	23.03%
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / nguồn vốn CSH	26.39%	36.50%

Lập ngày 10 tháng 04 năm 2009

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thủy

Hoàng Chí Phúc

Lê Văn Nga

